

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 8437 /BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 08 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 07/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		614	Tăng (4,2%)	53.791
Đang điều trị (14.664)	Tầng 3	08	Giảm (38,5%)	137
	Tầng 2	297	Giảm (19,3%)	5.397
	Tầng 1	339	Tăng (41,3%)	5.262
	Khác			3.868
Khỏi bệnh*		801	Tăng (9,9%)	38.635
Tử vong*		02	Tăng (0,0%)	492

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	17.961	Giảm (62,2%)	3.167.628
Dương tính	2.108 (614 ca mới, 1.494 theo dõi điều trị)	Tăng (7,6%)	124.547
Âm tính	15.690	Giảm (65,2%)	3.022.202

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 2.108/17.961 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 11,7%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	232	8.493	25.916	34.409
Cách ly tại nhà	816	15.809	56.475	72.284
Theo dõi sức khỏe	176	7.498	21.791	29.289

Trong ngày: 152 F1 (cộng dồn 22.940), 163 F2 (cộng dồn 32.436)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.700 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 27 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.673 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 02 ca, lũy kế 2.298 ca F0/154.699 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T.

- DN có F0 trong ngày: 02 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 84/1.176 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Cty TNHH Shin Heung Đồng Nai – KCN Lộc An Bình Sơn: 01 ca F0. Công ty thực hiện 3T từ ngày 22/7/2021; Công ty thực hiện test định kỳ đầy đủ suốt thời gian qua theo quy định, ngày 04/10/2021 Công ty test định kỳ cho 100% người lao động động phát hiện có ca nghi nhiễm, ngày 05/10/2021 lấy mẫu PCR ngày 07/10/2021 có kết quả 01 ca dương tính.

+ Công ty TNHH Vina Melt Technos – KCN Amata: 01 ca F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.565/2.298 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 68,15%

- Đang điều trị: 732 ca, chiếm 31,85%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 53.763 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 801 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 02 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 109 ca là phụ nữ đang mang thai, 2.724 ca dưới 18 tuổi, 496 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.
- 28 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);
 - + 27 ca thở máy xâm lấn
 - + 01 ECMO
- 318 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);
- 3.069 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 7.450 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trồng 6.372 giường).
 - Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trồng 3.613 giường)
 - Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trồng 265 giường)
- (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;
- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;
- 614 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 01 ca sàng lọc trong cộng đồng, 125 ca trong khu phong tỏa và 488 ca trong khu cách ly. Trong đó:
 - + 01 ca trong cộng đồng ngụ tại tổ 30, khu phố 5, phường Bửu Long, Biên Hòa. Phát hiện qua xét nghiệm tầm soát cộng đồng. Đang điều tra dịch tễ.
 - + 125 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại các phường Hồ Nai (19), Tam Hiệp (10) – Biên Hòa; Bắc Sơn (17) – Trảng Bom; Vĩnh Tân (15), Thạnh Phú (10) – Vĩnh Cửu, Phước Thiện (14), Hiệp Phước (12) – Nhơn Trạch.
- Hiện còn 39 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom; các phòng xét nghiệm ghi nhận 163 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.
- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Biên Hòa 145 (75 trường hợp test nhanh dương tính), Long Khánh 36, Trảng Bom 24, Nhơn Trạch 12, Định Quán 09, Cẩm Mỹ 06;
- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 03 tàu, 59 người

- Cộng dồn: 1.161 tàu, 21.693 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10, 11, 12, 13

- **Tổng số tiêm trong ngày: 121.119 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 43.820 người; Mũi 2: 77.299 người.

- Số liều vắc xin còn lại: 957.167 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **2.516.656 liều** vắc xin COVID-19 cho **2.202.656 người** (chiếm tỉ lệ **97,71%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **314.215 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **13,94%**).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19;

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 11959/UBND-KGVX ngày 30/9/2021 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp để từng bước phục hồi hoạt động KTXH đảm bảo công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới;

- Triển khai Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021;**

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 01 ca trong cộng đồng ngụ tại tổ 30, khu phố 5, phường Bửu Long, Biên Hòa. Phát hiện qua xét nghiệm tầm soát cộng đồng. Đang điều tra dịch tễ.

- Ghi nhận 125 ca trong khu phong tỏa nhiều nhất tại các phường Hồ Nai (19), Tam Hiệp (10) – Biên Hòa; Bắc Sơn (17) – Trảng Bom; Vĩnh Tân (15), Thạnh Phú (10) – Vĩnh Cửu, Phước Thiện (14), Hiệp Phước (12) – Nhơn Trạch..
- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 97,71%, mũi 2 là 13,94%.
- Cập nhật đánh giá mức độ nguy cơ lây nhiễm trên địa bàn tỉnh:
 - + Tỉnh Đồng Nai ở mức có nguy cơ (vàng)
 - + Cấp huyện: 02 nguy cơ cao (Biên Hòa, Vĩnh Cửu), 04 nguy cơ (Tân Phú, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom), 05 bình thường mới (còn lại)
 - + Cấp xã/phường: 06 nguy cơ rất cao, 17 nguy cơ cao, 27 nguy cơ, 120 bình thường mới
 - + Cấp khu/ấp: 13 nguy cơ rất cao, 48 nguy cơ cao, 86 nguy cơ, 786 bình thường mới.

IV. Kiến nghị

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm ít nhất 1 liều vắc xin.
- Các địa phương nguy cơ cao, rất cao tiếp tục xây dựng triển khai xét nghiệm thần tốc bóc tách triệt để nguồn lây tại các điểm nguy cơ đã được khoanh vùng sau Kế hoạch xét nghiệm thần tốc 11456/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh.
- Theo dõi sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn, thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ để thu hẹp tối đa vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.
- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.
- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.
- Thực hiện Công văn số 11959/UBND-KGVX ngày 30/9/2021 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp để từng bước phục hồi hoạt động KTXH đảm bảo công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới và Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

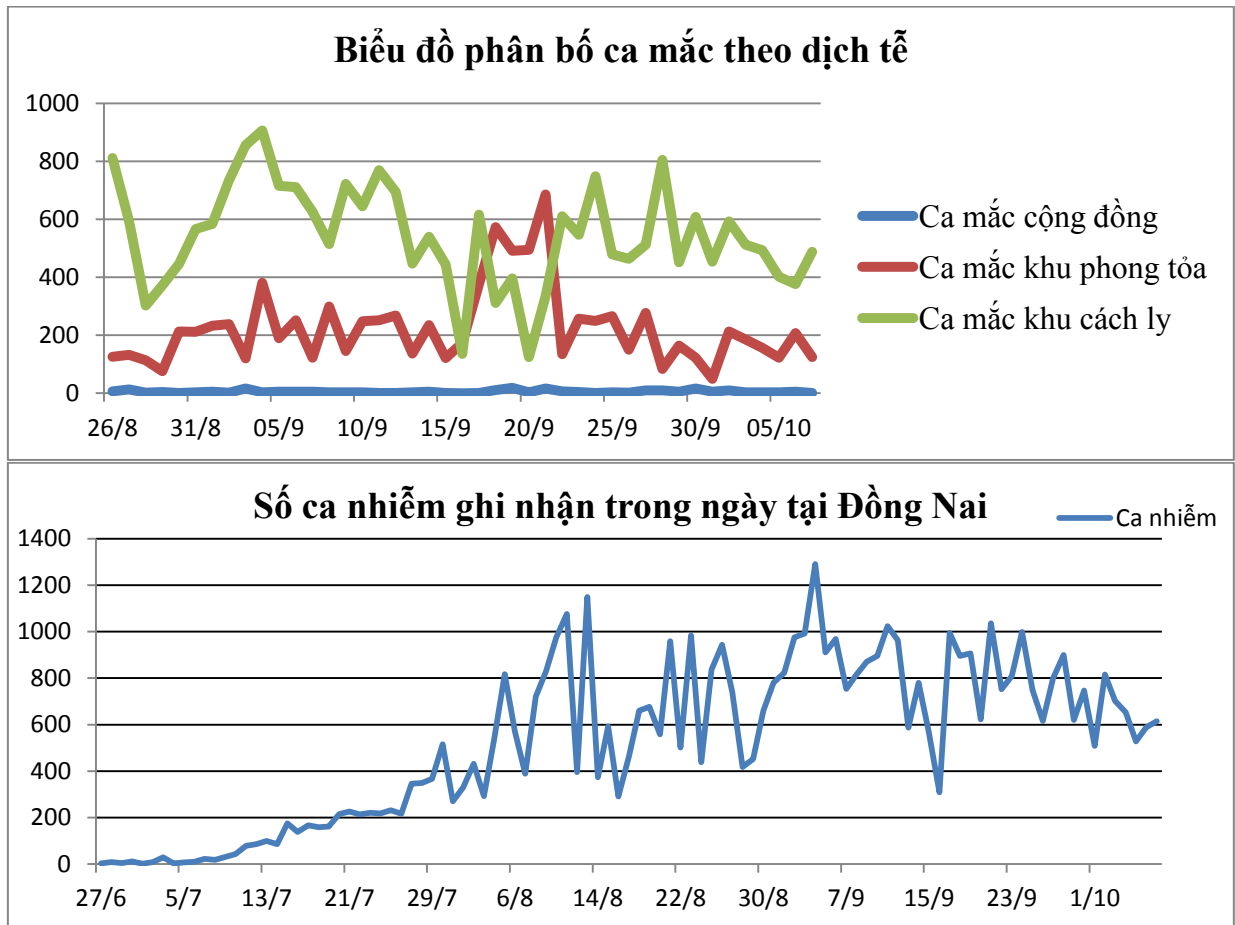
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	324	-16,9%	1	275	48	22951
2	Nhơn Trạch	165	135,7%	0	139	26	13006
3	Vĩnh Cửu	46	39,4%	0	19	27	9922
4	Trảng Bom	59	-9,2%	0	35	24	4660
5	Long Thành	7	-56,3%	0	7	0	1073
6	Thống Nhất	1	-66,7%	0	1	0	554
7	Long Khánh	5	-	0	5	0	342
8	Xuân Lộc	0	-100,0%	0	0	0	317
9	Định Quán	2	0,0%	0	2	0	258
10	Cẩm Mỹ	3	50,0%	0	3	0	251
11	Tân Phú	2	-71,4%	0	2	0	92
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-	0	0	0	333
Tổng cộng		614	4,2%	1	488	125	53.759



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng		Số ca Chưa rõ nguồn lây	
						Tổng	Trong đó		
							Cộng Đồng		Khu nhà trọ
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (06)									
1	Biên Hòa	37	0	27	10	0			
1.1	Tam Hiệp	37		27	10				
1.2	Tân Hòa	0							
1.3	Thống Nhất	0							
2	Nhơn Trạch	66	0	54	12	0			
2.1	Hiệp Phước	66		54	12				
3	Tân Phú	2	0	2	0	0	0		
3.1	Phú Lâm	2		2					
4	Vĩnh Cửu	21	0	11	10	0			
4.1	Thạnh Phú	21		11	10				
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (17)									
1	Biên Hòa	156	0	150	6	0			
1.1	An Bình	90		87	3				
1.2	Bửu Hòa	1		1					
1.3	Quang Vinh	0							
1.4	Tam Phước	50		49	1				
1.5	Tân Biên	11		11					
1.6	Tân Phong	1		1					
1.7	Tân Vạn	0							
1.8	Trảng Dài	3		1	2				
2	Nhơn Trạch	71	0	57	14	0			

2.1	<i>Phước Thiện</i>	71		57	14				
3	Tân Phú	0	0	0	0	0			
3.1	<i>Phú Thanh</i>	0							
4	Trảng Bom	29	0	12	17	0			
4.1	<i>Bắc Sơn</i>	26		9	17				
4.2	<i>Hố Nai 3</i>	3		3					
4.3	<i>Sông Trầu</i>	17		16	1				
4.4	<i>Thanh Bình</i>	0							
5	Vĩnh Cửu	22	0	6	16	0			
5.1	<i>Thiện Tân</i>	1			1				
5.2	<i>Vĩnh An</i>	2		2					
5.3	<i>Vĩnh Tân</i>	19		4	15				
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (27)									
1	Biên Hòa	88	0	66	22	0			
1.1	<i>Bình Đa</i>	14		14					
1.2	<i>Hố Nai</i>	21		2	19				
1.3	<i>Hóa An</i>	0							
1.4	<i>Long Bình</i>	35		34	1				
1.5	<i>Long Bình Tân</i>	5		5					
1.6	<i>Phước Tân</i>	8		8					
1.7	<i>Tân Hiệp</i>	5		3	2				
1.8	<i>Tân Mai</i>	0							
1.9	<i>Trung Dũng</i>	0							
2	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0			
2.1	<i>Sông Ray</i>	0							
2.2	<i>Xuân Đông</i>	3		3					
2.3	<i>Xuân Tây</i>	0							
3	Long Khánh	5	0	5	0	0			
3.1	<i>Suối Tre</i>	5		5					

4	Long Thành	1	0	1	0	0			
4.1	<i>An Phước</i>	0							
4.2	<i>Bình Sơn</i>	0							
4.3	<i>Tam An</i>	0							
4.4	<i>TT. Long Thành</i>	1		1					
5	Nhơn Trạch	11	0	11	0	0			
5.1	<i>Đại Phước</i>	0							
5.2	<i>Phú Hội</i>	11		11					
6	Thống Nhất	1	0	1	0	0			
6.1	<i>Gia Tân 1</i>	0							
6.2	<i>TT Dầu Giây</i>	1		1					
7	Trảng Bom	12	0	7	5	0			
7.1	<i>Bình Minh</i>	0							
7.2	<i>Quảng Tiến</i>	3		3					
7.3	<i>TT Trảng Bom</i>	9		4	5				
8	Vĩnh Cửu	1	0	0	1	0			
8.1	<i>Bình Lợi</i>	1			1				
8.2	<i>Phú Lý</i>	0							
9	Xuân Lộc	0	0	0	0	0			
9.1	<i>Xuân Hòa</i>	0							
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (120)									
1	Biên Hòa (10)								
	<i>An Hòa</i>			2	2				
	<i>Bửu Long</i>		1	21					
	<i>Hiệp Hòa</i>				6				
	<i>Tam Hòa</i>			4	2				
	<i>Thanh Bình</i>			1					
2	Cẩm Mỹ (10)								
3	Định Quán (14)								

	<i>Phú Lợi</i>			2					
4	Long Khánh (14)								
5	Long Thành (10)								
	<i>Phước Bình</i>			5					
	<i>Phước Thái</i>			1					
6	Nhơn Trạch (08)								
	<i>Phú Hữu</i>			3					
	<i>Long Thọ</i>			4					
	<i>Phú Đông</i>			6					
	<i>Vĩnh Thanh</i>			4					
7	Tân Phú (16)								
8	Thống Nhất (08)								
9	Trảng Bom (10)								
	<i>Hưng Thịnh</i>				1				
10	Vĩnh Cửu (06)								
	<i>Bình Hòa</i>			2					
11	Xuân Lộc (14)								

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 ghi nhận trong ngày

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	C.H.V	1938		BVTN	Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	06/10/2021	Viêm phổi nguy kịch do SARS-CoV-2 biến chứng ARDS, suy tim, rung nhĩ đáp ứng thất nhanh, suy đa tạng, theo dõi nhồi máu cơ tim, đái tháo đường type 2, tăng huyết áp
02	Đ.T.H		1959		An Chu, Bắc Sơn, Trảng Bom	06/10/2021	Viêm phổi nguy kịch do SARS-CoV-2 biến chứng ARDS, đái tháo đường type 2, tăng huyết áp

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Thực nhận	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.271	254	8.152	8	29.980	29.980	118,50%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	21.000	118,66%
Đợt 4	342.728	298.405	44.323	1.901	8	316.160	316.160	108,40%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	157.000	157.000	110,22%
Đợt 6	279.507	276.914	2.593	9	0	265.210	265.210	105,39%
Đợt 7	675.185	673.897	1.288	6.781	0	687.458	687.458	98,21%
Đợt 8	315.311	301.500	13.811	428	0	307.250	307.250	102,62%
Đợt 9	80.784	15.288	65.496	0	0	512.500	412.500	15,76%
Đợt 10	104.936	13.573	91.363	96	0	170.760	170.760	61,45%
Đợt 11	188.292	188.145	147	526	0	207.340	207.340	90,81%
Đợt 12	271.144	224.307	46.837	230	1	500.000	500.000	54,23%
Đợt 13	0					299.450	299.450	0,00%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	4.900	100,00%
Tổng cộng	2.516.656	2.202.441	314.215	29.266	25	3.496.458	3.396.458	71,98%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	3	0	0	0	21		156		5		12	4							19
2	BVTN/TTHSTC	400	200	4	0	2	2	90	166	212	44	18	4	16	33			2	2	61	29	110
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	0	0	1	15	56	37	30	2	0	0	12	0	0	0	1	7	3	26
4	BVĐKKVLT	100	100	0	0	1	0	10	70	34	0	1	0	0	9	0	0	0	0	10	0	90
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
9	BV Đồng Nai 2	10	1	0	0	0	0	1	120	0	279	0	0	0	1	0	1	0	0	0	1	9
Tổng cộng (tầng 3)		730	402	8	0	3	3	137	413	440	353	26	4	28	59	0	1	2	3	78	33	265
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	8	0	1	0	128	24	2	1296	2	0	0	1	63	64	4	36	86	2	157
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	21	0	0	0	330	92	0	1223	0	0	0	4	150	70	8	75	156	17	30
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	1	0	0	0	493	69	0	2012	0	0	0	18	12	463	14	119	481	100	7
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	54	0	0	0	353	62	0	1616	0	0	0	1	46	307	0	102	333	4	0
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	0	191	41	0	1083	0	0	0	5	10	176	2	58	190	1	
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	6	70	0	0	492	109	0	4625	0	0	0	11	144	337	6	102	408	15	518
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	89	83	3	0	633	132	1	3442	0	0	0	12	297	324	12	198	382	41	67
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	3	0	1	0	619	41	0	1765	0	0	0	18	169	432	5	143	464	12	16
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	0	0	0	0	536	23	0	1725	0	0	0	5	262	269	4	160	500	1	126
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	38	54	0	0	627	67	0	2496	0	0	0	29	240	387	3	140	467	20	180
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	37	0	0	0	261	9	0	171	0	0	0	2	171	90	2	53	170	7	100

12	Bệnh viện Đa liễu	150	150	0	55	0	0	44	23	0	599	0	0	0	2	20	24	0	0	44	0	80
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	14	2	4	0	56	109	14	262	0	0	0	32	35	7	2	1	8	16	
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	4	4			49							36	13		28	21	0	0	
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	0	0	0	20	0	0	171	0	0	0	2	15	3	0	2	0	2	130
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	6	4	0	21	1	0	0	1	2	5	0	0		1	24
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	2	0	5	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0		
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	60	103	7	3	0	0	103	120	0	279	0	0	0	3	64	39	3	10	49	54	
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	9	5	5	0	80	131	0	128	1			0	61	18	0	1	10	0	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	0	9	0	0	45	27	1	145	0	0	0	0	30	15	1	12	29	3	20
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	6	1	0	0	18	17	0	42	0	0	0	5	15	3	0	1	8	4	0
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200					311							5	53	253					
Tổng cộng (tầng 2)		10547	9195	297	286	14	0	5397	1100	23	23101	4	0	0	156	1895	3301	66	1241	3806	300	1455
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4479	3406	203	215	9	0	2757	814	12	5924	0	0	0	9	724	2125	12	758	2397	137	864
2	Long Khánh	400	260	5	1	0	0	9	39	0	90	0	0	0	0	7	2	0	3	8	0	251
3	Vĩnh Cửu	3393	3343	40	78	0	0	472	1416	3	6266	0	0	0	0	38	434	4	124	362	5	2581
4	Định Quán	100	89	1	0	1	0	5	43	0	78	0	0	0	0	3	2	1	0	4	0	
5	Tân Phú	60	60	3	0	0	0	35	18	0	0	0	0	0	0	1	34	0	9	26	0	0
6	Trảng Bom	876	876	7	78	17	0	329	1355	2	3151	0	0	0	0	21	308	2	132	194	1	410
7	Thống Nhất	130	140	4	1	1	0	9	85	0	14	0	0	0	0	1	8	0	1	9	0	130
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	3	0	1	0	61	5	0	32	0	0	0	2	29	30	0	14	45	0	139
10	Long Thành	250	250	7	19	0	0	97	40	0	797	0	0	0	0	0	97	0	33	61	3	153
11	Nhon Trạch	3230	3010	66	34	68	0	1488	0	14	3551	0	0	0	30	350	1108	22	406	1065	17	1522
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13418	11634	339	426	97	0	5262	3815	31	19903	0	0	0	41	1174	4148	41	1480	4171	163	6372
TỔNG TẦNG (3+2+1)		24695	21231	644	712	114	3	10796	5328	494	43357	30	4	28	256	3069	7450	109	2724	8055	496	8092